TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/DS-ST
Ngày: 13-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 884/2025/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ thường trú: Số A L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1957; cùng địa chỉ: 1 (số cũ 40/14), khu phố Đ, Đ, D, Bình Dương, nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C; địa chỉ: 1 (số C), khu phố Đ, Đ, D, Bình Dương, (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Vào ngày 9/10/2020 ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L vay của ông Đoàn Văn Đ số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất vay 20%/năm. Thời hạn vay từ ngày 9/10/2020 đến 9/12/2022. Nhưng nếu quá 01 tháng

mà bên vay không trả lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị nữa. Bên vay phải hoàn trả ngay vốn đã nhận của bên cho vay.

Ngày 1/8/2023 ông T, bà L trả tiền gốc 40.000.000 đồng. Còn lại 180.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chưa trả. Ông Đoàn Văn Đ đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng không thành. Vì vậy ông Đoàn Văn Đ đã khởi kiện ông T, bà L ra Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện, ông Đoàn Văn Đ yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L trả tiền vốn gốc số tiền = 180.000.000 đồng lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 9/10/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Tạm tính từ ngày 9/10/2024 đến ngày 9/11/2025 là 13 tháng lãi quá hạn x 20%/năm x 150% x 180 triệu đồng = 58.500.000 đồng. Cộng 238.500.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L trả tiền vốn gốc số tiền = 180.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 9/10/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 13/3/2026 làm tròn 17 tháng x 20%/năm x 180 triệu đồng = 51.000.000 đồng. Tổng cộng 231.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy vay tiền ngày 09/10/2020 và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Bị đơn ông Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi theo Giấy vay tiền nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh cháp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: 1 (số C), khu phố Đ, Đ, D, Bình Dương, nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về tính pháp lý của giấy vay tiền: Xét hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có năng lực hành vi dân sự, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117; về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 theo quy định Bộ luật dân sự 2015. Như vậy Giấy vay tiền nêu trên là hợp pháp nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3] Về yêu cầu khởi kiện nguyên đơn:

[3.1]. Về số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng.

Xét: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 09/10/2020 thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 có vay số tiền 200.000.000 đồng, cùng ngày vay thêm 20.000.000 đồng, tổng cộng 220.000.000 đồng có sự xác nhận chữ ký của bà L và ông T, người lập giấy vay tiền là ông Nguyễn Văn C con của bà L và ông T. Đến ngày 01/8/2023 ông T và bà L đã trả 40.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị đơn còn nợ 180.000.000 đồng. Tại giấy vay tiền các bên thỏa thuận ngày 09/12/2022 sẽ thanh toán số tiền vay, hiện nay khoản vay đã quá hạn thanh toán căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 bên vay phải trả tiền khi đến hạn. Do đó căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

[3.2]. Về tiền lãi: Tính từ ngày 9/10/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 13/3/2026 làm tròn 17 tháng x 20%/năm x 180 triệu đồng = 51.000.000 đồng.

Xét: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 09/10/2020 các bên thỏa thuận lãi vay 20%/năm, thời hạn trả 09/12/2022. Do bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Lãi suất do các bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều

468 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 357, 463, Điều 465, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L có trách nhiêm thanh toán cho ông Đoàn Văn Đ tạm tính đến ngày 13/3/2026 tổng số tiền 231.000.000 đồng (hai trăm ba mươi mốt triệu đồng), trong đó: nợ gốc 180.000.000 đồng, nợ lãi 51.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L phải chịu 11.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Nơi nhận:
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hạnh

TM.
TH